TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN
TẠP CHÍ KHOA HỌC
ĐẠI HỌC SÀI GÒN
ISSN 1859 - 3208
Số 86, Tập 1, 2023

SAIGON UNIVERSITY
SCIENTIFIC JOURNAL
OF SAIGON UNIVERSITY
No. 86, Vol. 1, 2023

Email: tcdhsg@sgu.edu.vn ; Website: http://sj.sgu.edu.vn/

NỀN KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ TỪ GÓC NHÌN "BÀN VỀ THUẾ LƯƠNG THỰC" CỦA LÊNIN VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

The multi-sector economy in the transition period from the perspective of Lenin's "Discussion on the food tax" and the application of The Communist Party of Vietnam in building a socialist-oriented market economy

Vũ Hồng Vận
Trường Đại học Giao thông Vận tải

TÓM TẮT

Có nhiều điểm tương đồng về kinh tế, chính trị, xã hội giữa nước Nga – Xô Viết những năm 20 và Việt Nam những năm 80 của thế kỷ XX. Trong bối cảnh đó, V.I. Lê-nin đã đưa ra "Chính sách Kinh tế mới" (NEP) thay cho "Chính sách cộng sản thời chiến", được trình bày đầu tiên trong tác phẩm "Bàn về thuế lương thực". Chính sách đó đã khắc phục sự nóng vội, chủ quan, muốn trực tiếp đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội và khủng hoảng kinh tế, xã hội trong nước. Việc sử dụng nhiều thành phần kinh tế đã là tiền đề để nước Nga – Xô Viết vượt qua khủng hoảng, dần đi vào ổn định và phát triển. Tài sản lý luận này đã được chứng minh bằng những thành tựu to lớn của nước Nga – Xô Viết sau đó và có ý nghĩa thời đại sâu sắc, đặc biệt đối với việc xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

Từ khóa: Lê-nin, kinh tế nhiều thành phần, bàn về thuế lương thực, thời kỳ quá độ, chính sách kinh tế mới, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

ABSTRACT

There are many similarities in the economy, politics, and society between Russia and the Soviet Union in the 20s and Vietnam in the 80s of the 20th century. In that context, V.I. Lenin introduced the "New Economic Policy" (NEP) instead of the "War Communism Policy", first presented in the work " Discussion on the Food Tax" (NEP). That policy has overcome impatience, subjectivity, wanting to go directly to socialism, and the economic and social crisis in the country. The use of many economic sectors has been a premise for Russia - the Soviet Union to overcome the crisis, and gradually enter into stability and development. This theoretical property has been proved by the great achievements of Russia - the Soviet Union then had a profound significance of the times, especially for the construction and development of a socialist-oriented market economy in our country today.

Keywords: Lenin, multi-sector economy, NEP, transition period, new economic policy, socialist-oriented market economy

Tác giả liên hệ: vanvh_ph@utc.edu.vn

1. Kinh tế nhiều thành phần trong "Bàn về thuế lương thực" của Lê-nin

1.1. Sự cần thiết phải sử dụng nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ ở Nga

Sau khi cách mạng Tháng Mười của Nga (cách mạng Tháng Mười Nga) thành công đã đưa nước Nga và thế giới bước vào một giai đoạn mới, đó là tiến lên Chủ nghĩa xã hội. Chính sách cộng sản thời chiến đã giúp Nga vượt qua giai đoạn khó khăn, đặc biệt là khắc phục hậu quả của nội chiến và chiến tranh thế giới lần thứ nhất.

Chính chính sách đó đã đưa đến những thắng lợi tích cực trong bối cảnh vô cùng khó khăn của nước Nga. Tuy nhiên, do thực thi chính sách này quá dài trong bối cảnh thế giới và trong nước có nhiều thay đổi nhanh chóng đã kìm hãm sự phát triển của nước Nga lúc bấy giờ. Kinh tế suy yếu, rơi vào khủng hoảng trầm trọng; xã hội rối ren, nhiều bất ổn; tình trạng bất mãn và chống đối chính quyền ngày càng xảy ra quyết liệt đã làm suy yếu cơ sở xã hội của chuyên chính vô sản, đe dọa sự tồn tại của chính quyền Xô Viết. "Ngay hiện nay, trước mắt đảng ta vẫn còn những nhiệm vụ cực kỳ khó khăn, không những chỉ liên quan tới kế hoạch kinh tế - về mặt này, chúng ta phạm phải không ít sai lầm, không nghững chỉ liên quan tới những cơ sở của công cuộc kiến thiết kinh tế mà còn liên quan tới chính cơ sở của những mối quan hệ giữa các giai cấp còn tồn tại trong xã hội chúng ta" (Lê-nin Toàn tập, tập 43, 2005, tr. 4). Đó là hệ quả của việc thực hiện chính sách cứng nhắc, cùng với việc thực hiện chế độ trưng thu lương thực phi lí và thiếu khoa học, đồng thời cũng thể hiện được sự thiếu tổ chức khoa học và quyết sách chính trị phù hợp với thực tiễn của chính quyền Xô Viết lúc bấy giờ. "Bộ dân ủy lương thực là một cơ quan rất tốt; nhưng khi chúng ta xét lại quan hệ của chúng ta với những người tiểu nông mà cứ đặt hợp tác xã dưới quyền bộ dân ủy lương thực và tự bó tay mình, như thế tức là mắc sai lầm rõ ràng về chính trị" (Lênin Toàn tập, tập 43, 2005, tr. 78).

Để phát triển, đòi hỏi nước Nga phải thay thế chính sách cộng sản thời chiến bằng một chính sách khác. Nhu cầu tất yếu và cấp bách là phải thay đổi chính sách đó để phát triển đất nước. Trong điều kiện vô cùng khó khăn, phức tạp như vậy, tháng 3 năm 1921 tại Đại hội X Đảng Cộng sản Nga đã đề ra đường lối mới xây dựng đất nước, vượt qua khó khăn. Đại hội đã nhấn mạnh sự cần thiết phải thay chính sách cộng sản thời chiến bằng chính sách kinh tế mới; nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Nga trong công cuộc hòa bình, xây dựng kinh tế; nhấn mạnh tính tất yếu liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân trong sự nghiệp cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong hoàn cảnh đó, tác phẩm "Bàn về thuế lương thực" của Lê-nin đã ra đời. Tác phẩm là một bước ngoặc lịch sử về nhận thức và thực thi chính sách phát triển của Nga, tác phẩm làm tiền đề lý luận đưa nước Nga – Xô Viết chuyển từ chính sách cộng sản thời chiến sang chính sách kinh tế mới hay còn gọi là NEP.

1.2. Kinh tế nhiều thành phần trong "Bàn về thuế lương thực" của Lê-nin

Tác phẩm "Bàn về thuế lương thực" được viết xong ngày 21/4/1921 và in thành cuốn sách nhỏ, một thời gian ngắn sau nó được đăng trong số 1 của tạp chí "Đất vỡ hoang đỏ". Tác phẩm là một đóng góp to lớn vào việc vạch ra kế hoạch xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện rất khó khăn của nước Nga – Xô Viết lúc bấy giờ.

Trong tác phẩm, Lê-nin đã luận chứng sâu sắc tính tất yếu phải chuyển sang chính sách kinh tế mới, vạch rõ bản chất, nội dung cốt lõi của chính sách kinh tế mới, "tính chất quá độ của nền kinh tế ấy" (Lê-nin Toàn tập, tập 43, 2005, tr. 248). Tác phẩm đã đi vào phân tích rõ những nội dung, bản chất của nền kinh tế thời kỳ quá độ với nhiều thành phần kinh tế. "Chúng ta hãy kể ra những thành phần kinh tế ấy: Kinh tế nông dân kiểu gia trưởng, nghĩa là một phần lớn có tính chất tự nhiên; Sản xuất hàng hóa nhỏ (trong đó bao gồm đại đa số nông dân bán lúa mì); Chủ nghĩa tư bản tư nhân; Chủ nghĩa tư bản nhà nước; Chủ nghĩa xã hội" (Lê-nin Toàn tập, tập 43, 2005, tr. 248).

Chúng ta đều biết, sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất và cách mạng Tháng Mười, nước Nga - Xô Viết đã phải trải qua một chặng đường phát triển đầy mâu thuẫn và phức tạp đan xen. Chính sách cộng sản thời chiến là lấy của nông dân toàn bộ lương thực và nguyên liệu thừa, thi hành chế độ nghĩa vụ lao động toàn dân đặc biệt là đối với tư sản; cấm tư nhân buôn bán.v.v. Chính sách đó có nguy cơ phá hoại việc cung cấp lương thực cho bộ đội, nguyên liệu cho công nghiệp và phần lớn sản phẩm xã hội được tập trung vào tay Nhà nước mà không trả tiền. Do đó, thu hẹp sự lưu thông hàng hóa và hạ thấp vai trò của tiền tệ. Để thực hiện được chính sách kinh tế mới, trước hết đòi hỏi phải thay thế việc trưng thu lương thực thừa bằng chế độ thuế lương thực.

Như vậy, chính sách kinh tế mới đã sử dụng các quan hệ hàng hóa – tiền tệ phục vụ cho lợi ích của công cuộc xây dựng cơ sở nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Lê-nin cho rằng tự do buôn bán sẽ kích thích nạn đầu cơ, chính sách mới đã ngừa trước nguy cơ đe dọa công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, Lê-nin đòi hỏi phải siết chặt kỷ luật trật tự hơn nữa để đập tan nạn đầu cơ.

Cũng trong tác phẩm này, Lê-nin đã dành một phần quan trọng để nói về vai trò của chủ nghĩa tư bản độc quyền, chủ nghĩa tư bản Nhà nước trong nền kinh tế thời kì quá độ, ông khẳng định: "Để bạn đọc thấy rõ rằng hoàn toàn không phải chỉ bây giờ tôi mới đánh giá "cao" chủ nghĩa tư bản nhà nước như thế, mà ngay trước khi những người Bôn – sê – vích nắm được chính quyền, tôi cũng đã đánh giá như vậy" (Lê-nin Toàn tập 43, 2005, tr. 255). "Các bạn sẽ thấy rằng trong một nước dân chủ - cách mạng thực sự, chủ nghĩa tư bản độc quyền – nhà nước tất nhiên và nhất định phải có nghĩa là một bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. v.v. Bởi vì chủ nghĩa xã hội không phải là cái gì khác hơn là một bước tiến liền ngay sau chế độ độc quyền tư bản – nhà nước.v.v. Chủ nghĩa tư bản độc quyền – nhà nước là sự chuẩn bị vật chất đầy đủ nhất cho chủ nghĩa xã hội, là phòng chờ đi vào chủ nghĩa xã hội, là nấc thang lịch sử mà giữa nó (nấc thang đó) với nấc thang được gọi là chủ nghĩa xã hội thì không có một nấc nào ở giữa cả" (Lê-nin Toàn tập, tập 43, 2005, tr. 256).

Từ việc phân tích đặc điểm của nền kinh tế nhiều thành phần của nước Nga lúc đó, ông không loại trừ khả năng có thể tiến hành những hình thức hòa bình cải tạo xã hội chủ nghĩa, những biện pháp nhân nhượng và thậm chí trong những điều kiện nhất định phải chuộc lại tư liệu sản xuất từ tay giai cấp tư sản: "điều hợp lý nhất là chuộc lại từ trong tay bọn cướp ấy (chính là từ trong tay bọn cướp tư bản, nghĩa là chuộc lại ruộng đất, công xưởng, nhà máy và các tư liệu sản xuất khác trong tay giai cấp tư sản). Đó là một ý kiến hết

sức đáng chú ý" (Lê-nin Toàn tập, tập 43, 2005, tr. 257).

Ngoài thành phần kinh tế tư bản nhà nước, tác phẩm cũng đã đi vào phân tích vai trò của các thành phần kinh tế khác. "Nước Nga rộng lớn và hỗn tạp đến mức các loại hình khác nhau của kết cấu kinh tế - xã hội đều xen kẽ với nhau ở trong nó.v.v. Rõ ràng ở trong một nước tiểu nông thì tính tự phát tiểu tư sản chiếm ưu thế và không thể không chiếm ưu thế" (Lê-nin Toàn tập, tập 43, 2005, tr. 248). "Vấn đề cấp thiết nhất hiện nay là dùng những biện pháp có thể phục hồi ngay những lượng lượng sản xuất của kinh tế nông dân. Chỉ có bằng con đường ấy chúng ta mới có thể cải thiện đời sống của công nhân, tăng cường được liên minh công nông, củng cố chuyên chính vô sản" (Lê-nin Toàn tập, tập 43, 2005, tr. 263).

Những thành phần kinh tế trên đã phản ánh đúng thực tiễn kinh tế - xã hội nước Nga – Xô Viết lúc đó. Sự sắp sếp các thành phần kinh tế từ thấp đến cao đã phù hợp với quá trình phát triển của lực lượng sản xuất.

2. Sự vận dụng của Đảng cộng sản Việt Nam

2.1. Sự thay đổi nhận thức trong tư duy kinh tế ở Đại hội VI (12/1986) của Đảng

Trong mười năm đầu đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội (1976 - 1986), bên cạnh những thắng lợi to lớn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với nhiều thành tựu đáng kể, nhưng nền kinh tế vẫn ở trong tình trạng thấp kém. Thực trạng đất nước vào giữa những năm 1980, với những khó khăn mới gay gắt và phức tạp, cụ thể: Hiệu quả sản xuất và đầu tư thấp; mất cân đối lớn trong nền kinh tế; đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, nhiều nhu cầu chính đáng tối thiểu của nhân dân về đời sống vật chất, tinh thần chưa được đảm bảo.v.v. Thực trạng đó của Việt Nam cùng với những chuyển biến sâu rộng của cục diện thế giới đã đặt ra cho Đảng vấn đề đổi mới tư duy về chủ nghĩa xã hội (CNXH) và con đường đi lên CNXH.

Trước bối cảnh trong nước và thế giới có nhiều thay đổi, Đại hội VI (12/1986) nhận định: "Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo những quy luật khách quan.v.v. Tiêu chuẩn đánh giá sự vận dụng đúng đắn các quy luật thông qua chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước là sản xuất phát triển, lưu thông thông suốt, đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân từng bước được ổn định và nâng cao, con người mới xã hội chủ nghĩa ngày càng hình thành rõ nét, xã hội ngày càng lành mạnh, chế độ xã hội chủ nghĩa được củng cố" (Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, 1987, tr. 30).

Trong chủ trương xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, Đảng ta xác định rõ: xây dựng quan hệ sản xuất mới cả ba mặt, làm cho nó thật sự mang bản chất xã hội chủ nghĩa, gắn với mỗi bước phát triển của lực lượng sản xuất, là công việc to lớn, không thể làm xong trong một thời gian ngắn. Tuy nhiên, khác với những năm trước đây, trong nhận thức cũng như trong hành động, chúng ta chưa thực sự thừa nhận cơ cấu kinh tế nhiều thành phần còn tồn tại trong một thời gian dài. Có thể nói, từ ĐH VI, Đảng ta đã thừa nhận sự tồn tại của kinh tế đa thành phần và xác định cụ thể cơ cấu cùng chủ trương về phát triển các thành phần đó, cụ thể:

- Kinh tế xã hội chủ nghĩa bao gồm khu vực quốc doanh và khu vực tập thể, cùng với bộ phận kinh tế gia đình gắn liền với thành phần đó.

- Các thành phần kinh tế khác gồm: kinh tế tiểu sản xuất hàng hoá (thợ thủ công, nông dân cá thể, những người buôn bán và kinh doanh dịch vụ cá thể); kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức, mà hình thức cao là công tư hợp doanh; kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc trong một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và các vùng khác.

Việt Nam quá độ lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa với tính cách là một chế độ xã hội, nhưng chúng ta vẫn có thể sử dụng những thành tựu mà chủ nghĩa tư bản đã đạt được. Do vậy, sự tồn tại của các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một điều hiển nhiên, nó nằm trong quy luật của sự phát triển nói chung, của sự phát triển xã hội nói riêng. Tuy nhiên, Đại hội VI vẫn chưa bàn nhiều về kinh tế tư bản tư nhân.

Trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) vẫn chủ trương: Nhà nước cho phép những nhà tư sản nhỏ sử dụng vốn, kiến thức kỹ thuật và quản lý của họ để tổ chức sản xuất kinh doanh trong một số ngành, nghề thuộc khu vực sản xuất và dịch vụ ở những nơi cần thiết trong cả nước. Quy mô và phạm vi hoạt động của các cơ sở kinh doanh tư bản tư nhân được quy định tùy theo ngành nghề và mặt hàng. Hoạt động của kinh tế tư bản tư nhân được hướng dẫn đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội bằng nhiều hình thức của kinh tế tư bản nhà nước.

Tại Đại hội VI, trong khi thừa nhận sự cần thiết của kinh tế tư bản tư nhân cũng chỉ "cho phép những nhà tư sản nhỏ sử dụng vốn, kiến thức kỹ thuật và quản lý của họ để tổ chức sản xuất, kinh doanh trong một số ngành, nghề thuộc khu vực sản xuất và dịch vụ ở những nơi cần thiết.v.v. Quy mô và phạm vi hoạt động của các cơ sở kinh tế tư bản tư nhân được quy định tùy theo ngành, nghề và mặt hàng" (Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, 1987, tr. 59). "Kinh tế xã hội chủ nghĩa với khu vực quốc doanh làm nòng cốt phải giành được vai trò quyết định trong nền kinh tế quốc dân, cụ thể là chiếm tỷ trọng lớn cả trong sản xuất và lưu thông, thể hiện tính ưu việt và chi phối được các thành phần kinh tế khác thông qua liên kết kinh tế" và "trong lĩnh vực lưu thông, phải xóa bỏ thương nghiệp tư bản tư nhân" (Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, 1987, tr. 60). Nghĩa là mới chỉ cho nhà tư sản nhỏ kinh doanh trong một số ngành nghề sản xuất và dịch vụ (trừ lĩnh vực lưu thông), ở những nơi cần thiết, quy mô và phạm vi hoạt động lại được quy định tùy theo ngành nghề và mặt hàng. Phải đến Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (3/1989) Đảng ta mới thật sự thừa nhận kinh tế tư bản tư nhân. Nghị quyết chỉ rõ: Trong điều kiện của nước ta, các hình thức kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân) vẫn cần thiết lâu dài cho nền kinh tế và nằm trong cơ cấu của nền kinh tế hàng hóa đi lên chủ nghĩa xã hội.

2.2. Tiếp tục bổ sung và hoàn thiện nền kinh tế nhiều thành phần của Đảng

Tại Đại hội lần thứ VII (6/1991) Đảng ta đã xác định xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Thuật ngữ xây dựng "nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" đã được Đảng sử dụng lần đầu tại Đại hội lần thứ IX (năm 2001). Từ đó, Đảng ta nhiều lần khẳng định tiếp tục phát triển nền kinh tế thị

trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở các kỳ Đại hội tiếp theo.

Cụ thể, tại Đại hội lần thứ VII của Đảng (6/1991) đã quy định: "Kinh tế tư nhân được phát triển, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất, theo sự quản lý, hướng dẫn của Nhà nước, trong đó, kinh tế cá thể và tiểu chủ có phạm vi hoạt động tương đối rộng ở những nơi chưa có điều kiện tổ chức kinh tế tập thể, hướng kinh tế tư bản tư nhân phát triển theo con đường tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức"; "kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác xã dần dần trở thành nền tảng. Tạo điều kiện kinh tế và pháp lý thuận lợi để các nhà kinh doanh tư nhân yên tâm đầu tư làm ăn lâu dài" (Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, 1991, tr. 69).

Đại hội lần thứ IX của Đảng (4/2001) khẳng định: "Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc" (Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, 2001, tr. 87). Như vậy, ở đại hội IX đã xác định 6 thành phần kinh tế, bao gồm: Thành phần kinh tế nhà nước, thành phần kinh tế hợp tác xã, thành phần kinh tế cá thể tiểu chủ, thành phần kinh tế tư bản tư nhân, thành phần kinh tế tư bản nhà nước và thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, kinh tế hỗn hợp (thuộc sở hữu cổ phần).

Bước chuyển biến mới về tư duy đối với kinh tế tư nhân được thể hiện rõ trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 5 Khóa IX (3/2002). Theo Nghị quyết: "Kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nhghĩa" (Đảng cộng sản Việt Nam, Nghị quyết TƯ 5 Khóa IX, 2002, tr. 58).

Đến Đại hội X (4/2006), Đảng ta gần như hoàn thiện nhận thức và đưa ra chủ trương về nền kinh tế nhiều thành phần, Đại hội X khẳng định: "Trên cơ sở ba chế độ của sở hữu (toàn dân, tập thể, tư nhân), hình thành nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài" (Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, 2006, tr. 88).

Như vậy Đại hội X chỉ khác Đại hội IX ở chỗ đã sát nhập hai thành phần kinh tế kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư bản tư nhân thành một thành phần đó là thành phần kinh tế tư nhân, bởi vì hai thành phần này có điểm chung giống nhau là đều dựa trên chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất (TLSX); mặt khác chúng ta xóa đi sự mặc cảm đối với kinh tế tư bản tư nhân và nó sẽ thuận hơn khi nói đến đảng viên được làm kinh tế tư nhân.

Trên cơ sở phát triển lý luận và tổng kết thực tiễn, Đại hội XI (01/2011) và Đại hội XII (01/2016) đã xác định nền kinh tế Việt Nam có 4 thành phần kinh tế, bao gồm: thành phần kinh tế nhà nước; thành phần kinh tế tập thể; thành phần kinh tế tư nhân (gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân) và thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Đến Đại hội XIII (01/2021) đảng ta xác định: "Kinh tế nhà nước là công cụ, lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng, điều tiết, dẫn dắt thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, khắc phục các khuyết tật của cơ chế thị trường" (Đảng cộng sản Việt

Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.1, 2021, tr. 129). "Kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác, các hợp tác xã, tổ hợp tác có phạm vi hoạt động rộng lớn, với vai trò cung cấp dịch vụ cho các thành viên; liên kết, phối hợp sản xuất kinh doanh, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện để các thành viên nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững" (Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.1, 2021, tr. 129-130). "Kinh tế tư nhân được khuyến khích phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm, được hỗ trợ phát triển thành các công ty, tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, có sức cạnh tranh cao" (Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.1, 2021, tr. 130)

3. Một số vấn đề cần trao đổi

Như vậy, kể từ sau Đại hội VI (12/1986), tư duy của Đảng ta về phát triển nền kinh tế nhiều thành phần đã có sự thay đổi. Chúng ta nhận thấy có sự tương đồng khá rõ ràng về các thành phần kinh tế trong "Bàn về thuế lương thực" của Lê-nin và tư duy về xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần của Đảng ta. Tuy nhiên, trong suốt quá trình phát triển ta nhận thấy có một số điểm khác biệt và việc phân định các thành phần kinh tế của Đảng ta không nhất quán. Điều này đã đặt cho chúng ta rất nhiều câu hỏi cần được giải quyết thấu đáo, cụ thể như sau:

Thứ nhất, vì sao thành phần kinh tế nhà nước luôn đóng vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế?

Thực tế trong quá khứ cũng như hiện nay, chỉ xét ở góc độ kinh tế, thành phần kinh tế nhà nước không chỉ là các doanh nghiệp có vốn nhà nước, mà còn bao hàm sức mạnh kinh tế đứng đằng sau các chính sách và hoạt động quản lý kinh tế của Nhà nước. Nó có khả năng tổ chức và hoạch định chính sách từ phía Nhà nước, sự gắn kết của hệ thống doanh nghiệp nhà nước, tài chính nhà nước, luật pháp và hiệu lực quản lý của Nhà nước.

Với sức mạnh kinh tế và chính trị tổng hợp đó, thành phần kinh tế nhà nước có khả năng tạo ra các điều kiện vật chất lớn, các tiền đề kinh tế - xã hội để phát triển tất cả các thành phần kinh tế khác. Kinh tế nhà nước nắm giữ những vị trí then chốt, thiết yếu, cơ bản của nền kinh tế; do đó, nó hoàn toàn có khả năng chi phối hoạt động của các thành phần kinh tế khác, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển theo đúng định hướng.

Kinh tế nhà nước có khả năng can thiệp, điều tiết, hướng dẫn, liên kết và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế khác cùng phát triển. Kinh tế nhà nước đảm nhận các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh có tính chiến lược, thiết yếu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội đòi hỏi số lượng vốn đầu tư rất lớn; do đó, chỉ có nhà nước mới đủ khả năng đầu tư. Kinh tế nhà nước tham gia vào những lĩnh vực khoa học, công nghệ mũi nhọn, có hệ số rủi ro cao. Hơn nữa có nhiều lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội, đầu tư không đem lại lợi nhuận cao nên tư nhân không "mặn mà" tham gia, bắt buộc chỉ có nhà nước đầu tư.

Thứ hai, đối với sự phát triển như vũ bão hiện nay của nền kinh tế cũng như quá trình hội nhập quốc tế, quan điểm "kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân" được hiểu như thế nào?

Quá trình đổi mới của đất nước đã thấy rõ, dù đã được tập trung nguồn lực để phát triển nhưng kinh tế tập thể vẫn chiếm một

tỉ trọng chưa đáng kể, triển vọng phát triển trong tương lai vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đang có xu hướng phát triển mạnh mẽ ngày càng chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu nền kinh tế quốc dân cả về số lượng doanh nghiệp, tỉ trọng GDP, thu hút nguồn nhân lực, xuất khẩu hàng hóa, đóng góp lớn cho ngân sách quốc gia.v.v.

Tuy nhiên, có một điều cần chú ý, trong thời kỳ quá độ kinh tế và chính trị có mối quan hệ hữu cơ với nhau. Trong đó, chế độ chính trị quy định chế độ kinh tế và ngược lại, một chế độ kinh tế phù hợp và tiến bộ sẽ là nền tảng vững chắc để củng cố và phát triển chế độ chính trị. Trong xã hội có giai cấp và đấu tranh giai cấp tất yếu còn tồn tại các chế độ chính trị và chế độ kinh tế khác nhau.

Chế độ chính trị TBCN do giai cấp tư sản thống trị tất yếu hình thành chế độ kinh tế lấy kinh tế tư bản tư nhân làm chủ đạo. Chế độ chính trị XHCN do giai cấp công nhân lãnh đạo, thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản, tất yếu hình thành chế độ kinh tế lấy sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể làm nền tảng. Vai trò nền tảng ở đây được hiểu dưới góc độ mối quan hệ với chính trị; tránh sự hiểu lầm giữa "nền tảng" và quan trọng. Như vậy, trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, quan điểm "Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân" của Đảng vẫn còn nguyên giá trị.

Thứ ba, tại sao từ Đại hội XI trở đi, thành phần kinh tế tư bản nhà nước lại không được sử dụng, như vậy có phù hợp với lý luận và thực tiễn phát triển hiện nay hay không?

Như trên đã trình bày, đối với nước Nga - một nước tiểu nông, để phát triển kinh tế, ổn định tình hình đất nước, theo Lê-nin: trước hết phải biết "bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc" đi xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, bằng cách khuyến khích lợi ích cá nhân, bằng sự quan tâm thiết thân của cá nhân và bằng cách áp dụng hạch toán kinh tế. Ông đã dành rất nhiều thời gian để phân tích vai trò của thành phần kinh tế tư bản nhà nước (một số chỗ ông gọi là chủ nghĩa tư bản nhà nước). Theo ông, "chủ nghĩ tư bản nhà nước là một bước tiến so với tình hình hiện nay trong nước cộng hòa Xô – Viết của chúng ta" (Lê-nin Toàn tập, tập 43, 2005, tr. 247).

Thành phần kinh tế tư bản nhà nước là một phần không thể thiếu của một nền kinh tế nhiều thành phần nhằm khai thác mọi tiềm năng, mọi nguồn lực kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Thành phần kinh tế tư bản nhà nước là hình thức kinh tế giúp cho kinh tế tư bản chuyển hoá, phát triển thuận lợi theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Ở nước ta, các nhân tố định hướng xã hội chủ nghĩa bằng kinh tế bao gồm: kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác xã và kinh tế tư bản nhà nước. Trong đó, định hướng trực tiếp cho sự phát triển kinh tế tư nhân và tư bản tư nhân là kinh tế tư bản nhà nước. Với ý nghĩa đó, VI. Lê-nin đã coi kinh tế tư bản nhà nước là khâu trung gian, là một bước tiến, là một thắng lợi lớn trên con đường tiến tới chủ nghĩa xã hội. Điều này chúng ta cần có những cuộc thảo luận để đi đến những nhận định chính xác và phù hợp với điều kiện mới của đất nước.

Thứ tư, hiện nay ở nước ta còn thành phần kinh tế tự túc tự cấp hay không? Nếu còn mức độ thể hiện của nó như thế nào?

Như đại hội VI (1986) đã xác định, kinh tế tự nhiên tự cấp, tự túc còn tồn tại trong một bộ phận đồng bào thiểu số ở Tây Nguyên và các vùng núi cao khác. Vậy trên thực tế hiện nay, chúng ta đã có một cuộc khảo sát về việc "biến mất" của thành phần kinh tế này hay chưa?

Thực tế hiện nay cho thấy, để chuyển từ nền kinh tế tự cấp, tự túc lên sản xuất hàng hoá, cần có những điều kiện cơ bản (phân công lao động xã hội, thị trường, năng lực tổ chức và quản lý sản xuất, tài chính, tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ.v.v.). Song, vấn đề đặt ra là những yếu tố ấy không tự xuất hiện. Chính sự phát triển của lực lượng sản xuất mới làm cho sản xuất phát triển. Sản xuất phát triển mới dẫn đến phân công lao động xã hội và đòi hỏi ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào sản xuất. Sản xuất phát triển mới làm ra nhiều của cải vật chất dư thừa để đem bán, trao đổi ngoài phần phục vụ nhu cầu trực tiếp của người sản xuất. Ở nhiều vùng núi của Việt Nam, trình độ nhận thức cũng như việc sử dụng các "công cụ lao động" chưa phổ biến, do đó ở nhiều nơi việc sản xuất chỉ đủ để phục vụ đời sống hàng ngày, dư thừa là không đáng kể.

Mặc dù hình thức sản xuất này không còn nhiều những nó vẫn tồn tại trong đời sống kinh tế xã hội của đất nước. Nên chăng cần có cái nhìn thấu đáo hơn về vấn đề này.

4. Kết luận

Đổi mới là một cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện và triệt để trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhờ có tác phẩm bàn về thuế lương thực đã đổi mới tư duy lãnh đạo của Nga – Xô Viết lúc bấy giờ, làm cơ sở để xây dựng và phát triển chính sách kinh tế mới của Lê-nin (NEP). Chính sách kinh tế mới đã đưa đất nước Nga thoát khỏi những tình cảnh khó khăn và nhanh chóng trở thành một cường quốc của thế giới, xây dựng cơ sở vật chất để tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.

Căn cứ trên những chính sách kinh tế mới, khởi điểm là "Bàn về thuế lương thực" của Lê-nin mà trong quá trình tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng ta đã tránh được nhiều sai sót và hạn chế. Tuy nhiên, cũng phải nói rằng Đảng ta đã biết vận dụng quan điểm nền kinh tế nhiều thành phần của Lê-nin một cách triệt để nhưng đầy sáng tạo và linh hoạt. Ngoài ra, chúng ta cần phải nhận thức rõ rằng công cuộc đổi mới ở nước ta thật sự là một cuộc cách mạng không kém phần gay go quyết liệt, đòi hỏi chúng ta không được xa rời chủ nghĩa Mác- Lê-nin, đặc biệt là chính sách kinh tế mới của Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm nhưng vẫn phải mang nguyên tắc: Đảng cộng sản luôn giữ vững vai trò lãnh đạo trong đời sống kinh tế – chính trị đất nước. Khoa học - kỹ thuật ngày càng phát triển, công cuộc đổi mới ngày càng đi vào chiều sâu, đặt ra cho phát triển kinh tế nước ta nhiều thời cơ và mang cả những thách thức, cả thuận lợi và khó khăn. Việt Nam phải kiên trì giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, chú trọng xây dựng Nhà nước vững mạnh, hiện đại và là Nhà nước "của dân, do dân và vì dân".

Sau hơn 36 năm thực hiện đường lối đổi mới đất nước, với đường lối phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, còn nhiều vấn đề cả về lý luận và thực tiễn đặt ra cần được tiếp tục hoàn thiện và phát triển, nhưng những thành tựu mà nó đem lại là vô cùng to lớn, đóng góp không nhỏ vào những thành công chung của đất nước, hướng tới mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đảng cộng sản Việt Nam. (1986). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. Hà Nội: NXB Sự Thật.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (1991). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. Hà Nội: NXB Sự Thật.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2001). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2002). *Nghị quyết TƯ 5 Khóa IX*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.1*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

Lê-nin (2005). *Toàn tập, tập 43*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

Ngày nhận bài: 12/8/2022 Ngày chấp nhận đăng: 16/7/2023